

Bản án số: 202/2020/DS-PT

Ngày 17 – 9 – 2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn, Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949.

Cư trú tại: Số 197, Hùng V, phường 9, quận 5, thành phố H ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Du Thị B - sinh năm 1980 Cư trú tại: Số 79, đường H, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị T1, sinh năm 1952 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp 2, xã T, thành phố C ., tỉnh Cà Mau .

Người đại diện hợp pháp cho bà T1: Chị Nguyễn Kim T2, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp 4, xã T, Thành phố C, tỉnh C(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tô Văn Chánh, bà Lê Huỳnh Ni là luật sư Văn Phòng luật sư Hoàng Long thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1977;
Cư trú tại: Ấp 2, xã T, thành phố C., tỉnh C (có mặt).
 2. Chị Nguyễn Kim T2, sinh năm 1982;
Cư trú tại: Ấp 2, xã T, thành phố C., tỉnh C (có mặt).
 3. Anh Nguyễn Văn L;
Cư trú tại: Ấp 2, xã T, thành phố C., tỉnh C (có mặt).
- Người kháng cáo: Bà Phan Thị T1 - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Du Thị B trình bày:

Bà N có cha là cụ Nguyễn Văn Hỷ (chết năm 2003), có mẹ là cụ Trương Thị Nên (Trương Thị Sáu - chết năm 2001). Cha mẹ bà gồm có 08 người con: Nguyễn Thị Nhi, Nguyễn Thị Mạnh (chết trước năm 1968); Nguyễn Thị Dương (chết năm 2009); Nguyễn Bá Thời (chết năm 2012); Nguyễn Thị Thu (chết năm 2017); Nguyễn Bá Phước (chết năm 2019); Nguyễn Thị N và Nguyễn Ngọc Điệp.

Bà Phan Thị T1 là vợ của Nguyễn Bá Phước.

Vào năm 1996, 1998 và năm 2001 cha, mẹ bà N có viết di chúc chia đất cho các con, trong đó bà N được cho 02 công đất (01 công đất lá và 01 công đất ruộng), nhưng không có xác định diện tích vị trí, tứ cận cụ thể ở đâu. Đối với 01 công đất lá thì tại thời điểm cho đất, ông Nguyễn Bá Phước đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 công còn lại thì do em gái bà N tên Nguyễn Thị Thu đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N đồng ý để cho ông Phước mượn 01 công được cho nói trên để tiếp tục sử dụng, canh tác.

Năm 2016 ông Nguyễn Bá Phước đã tặng cho con gái ông Phước là Nguyễn Kim T2 01 công đất lá nói trên mà không thông qua bà N. Hiện chị T2 đã đứng tên giấy chứng nhận phần đất này, tuy nhiên bà N không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận hoặc yêu cầu chị T2 trả lại cho bà N phần đất này.

Ngoài ra, năm 2003 bà N có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Bá Phước và bà Phan Thị T1 phần đất có diện tích 11.724m², loại đất trồng lúa (nay là đất nuôi trồng thủy sản) tọa lạc tại xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 16 CN, được lập ngày 22-01-2020, tại UBND xã Tân Thành, thành phố Cà Mau. Cùng năm 2003, bà N được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 11.724m².

Khi chuyển nhượng, các bên có tiến hành cặm ranh, vợ chồng ông Phước, bà T1 đã giao đủ đất cho bà N, bà N đã thanh toán đủ 70.000.000 đồng cho ông Phước, bà T1. Hợp đồng chuyển nhượng đã kết thúc, không tranh chấp, không đặt ra yêu cầu đối với Hợp đồng.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà N không trực tiếp quản lý, canh tác phần đất nói trên mà lên thành phố H sinh sống. Đến năm 2017, bà T1 xin cấp lại sổ, tiến hành đo đạc và mời bà N ký giáp ranh, thì bà N phát hiện có 02 cột mốc bị thay đổi, 02 cột còn nguyên (M5, M6), phát hiện bà T1 lấn chiếm đất, chiều ngang 111m, chiều dài 11m, tổng diện tích 1.221m². Tuy nhiên, nay nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà T1 trả cho nguyên đơn phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.188,9m² theo Bản vẽ của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Đất tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

Do bà T1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và chị Nguyễn Kim T2, chị Nguyễn Kim C đã có gia đình ở riêng, nên bà N xác định chỉ yêu cầu một mình bà T1 trả đất, không yêu cầu chị T2 và chị C trả đất hoặc đặt ra yêu cầu nào khác.

Nguyên đơn bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà T1, chị T2, chị C trả cho nguyên đơn phần đất 01 công tằm lớn, tương đương 1.296m², loại đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau (do trước đây bà Phan Thị T1 và ông Nguyễn Bá Phước đã mượn của nguyên đơn). Nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế hoặc yêu cầu nào khác.

Hiện trạng phần đất xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ so với hiện nay không thay đổi. Trên đất không có công trình, kiến trúc hoặc cây trồng có giá trị. Nguyên đơn thống nhất với bản vẽ ngày 25-12-2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Không yêu cầu thẩm định giá tài sản.

Bị đơn bà Phan Thị T1 trình bày:

Bà T1 là vợ của ông Nguyễn Bá Phước. Ông Phước có cha là cụ Nguyễn Văn Hỷ (chết năm 2003), có mẹ là cụ Trương Thị Nền (Trương Thị Sáu - chết năm 2001). Cha, mẹ của ông Phước có 08 người con gồm: Nguyễn Thị Nhi, Nguyễn Thị Mạnh (chết trước năm 1968), Nguyễn Thị Dương (chết năm 2009), Nguyễn Bá Thời (chết năm 2012), Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu (chết năm 2017), ông Phước (chết năm 2019) và Nguyễn Ngọc Điệp.

Khi cha mẹ chồng bà T1 chết có để lại di chúc ngày 16-6-1996. Ngoài ra không có để lại di chúc nào khác. Bà T1 xác định bà và ông Phước không có mượn phần đất nào của bà N nên không đồng ý trả lại cho bà N 01 công tằm lớn đất, tương đương diện tích 1.296m² theo yêu cầu của bà N. Tại phiên tòa bà N rút lại yêu cầu khởi kiện này, bà T1 không có ý kiến.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2019, bà T1 trình bày: Năm 2003 bà T1 và ông Phước (đã chết 2019) có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 11.724m², loại đất trồng lúa (nay là đất nuôi trồng thủy sản), tọa lạc tại xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đến năm 2003 Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Bà T1 xác định bà không có lấn chiếm đất theo như lời trình bày của bà N, nhưng vì tình nghĩa xóm làng nếu sau khi đo đạc mà đất bà T1 dư thì bà T1 đồng ý trả phần đất dư cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 cho rằng bà và ông Phước không có chuyển nhượng cho bà N phần đất diện tích 11.724m², chữ ký trong Hợp đồng số 16 CN,

được lập ngày 22-01-2020, tại UBND xã Tân Thành, thành phố Cà Mau không phải của bà và ông Phước. Bà T1 yêu cầu giám định chữ ký, tuy nhiên nếu sau khi giám định đúng là chữ ký của bà T1 và ông Phước thì bà T1 cũng không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Không yêu cầu hủy Hợp đồng số 16 CN, được lập ngày 22-01-2020, tại UBND xã Tân Thành, thành phố Cà Mau.

Hiện trạng phần đất xem xét, đo đạc thẩm định tại chỗ so với hiện nay không thay đổi. Trên đất không có công trình, kiến trúc hoặc cây trồng có giá trị. Bị đơn thống nhất với bản vẽ ngày 25-12-2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Không yêu cầu thẩm định giá tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim C trình bày: Do bà T1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và hiện tại chị C đã có gia đình ra ở riêng. Chị C không có liên quan gì đến vụ án nên không có nghĩa vụ trả lại đất cho bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim T2 trình bày: Hiện tại chị T2 đã có gia đình ra ở riêng. Chị T2 không có liên quan gì đến vụ việc tranh chấp đất giữa bà N và bà T1, nên chị T2 không có ý kiến, yêu cầu gì.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc buộc bị đơn bà Phan Thị T1 trả lại cho nguyên đơn phần đất diện tích 1.188,9m², theo Bản vẽ ngày 25-12-2019 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, đất tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C .. Đất có các cạnh như sau:

Cạnh dài 10.64m, giáp đất ông Phan Văn Rớt (ký hiệu M3M4);

Cạnh dài 111.38m, giáp đất Nguyễn Thị N (ký hiệu M4M7);

Cạnh dài 10.96m, giáp đất ông Nguyễn Hồng Kha (ký hiệu M7M8);

Cạnh dài 110.27m, giáp đất bà Phan Thị T1 (ký hiệu M8M3).

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Phan Thị T1, chị Nguyễn Kim T2, chị Nguyễn Kim C trả cho nguyên đơn phần đất 01 công tằm lớn (tương đương diện tích 1.296m²), loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

Buộc bà Phan Thị T1 trả lại cho bà Nguyễn Thị N chi phí xem xét, đo đạc số tiền 12.070.000 đồng (mười hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10-7-2020, bà Phan Thị T1 kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ án sơ thẩm, tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Lý do, bà T1 cho rằng trước kênh đất của nguyên đơn đã được mở rộng lấy nước nuôi tôm. Chưa đo phần đất diện tích con kênh, nên nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn nguyên đơn là không đúng.

Tại phiên tòa: Đại diện bà Phan Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T1: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Tạm ngừng phiên toà thu thập thêm chứng cứ, hỏi ý kiến các con bà N (vì đất cấp cho hộ gia đình); Hỏi ý kiến của cơ quan chức năng Lung Bàu Chứa hiện nay có bị lấn so với thời điểm năm 2003 bị đơn chuyển nhượng đất cho nguyên đơn hay không? Xác minh thêm những người khác mà bị đơn đã chuyển quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Phan Thị T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà T1, chị T2, chị C trả cho nguyên đơn phần đất 01 công tâm lớn, tương đương 1.296m², loại đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau. Xét việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, án sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Xét phần đất tranh chấp còn lại:

[3.1] Vào năm 2003, ông Nguyễn Văn Phước và bà Phan Thị T1 có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 11.724m² là có thực tế xảy ra. Cơ quan chức năng cung cấp cho Tòa án các tài liệu về việc phía bị đơn chuyển nhượng đất cho nguyên đơn vào năm 2003; Phía bà N cũng được cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 11.724m², kèm theo Quyết định số: 2368/QĐ-UB ngày 25-4-2003 của UBND TP Cà Mau; có kèm theo biên bản xác minh cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 22-01-2003 vị trí sang nhượng: Đông giáp thửa 307 dài 88,3m; Tây giáp thửa 305 dài 119,2m; Nam giáp Lung Bàu Chứa dài 115m; Bắc giáp thửa 405: Dài 111m.

[3.2] Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ trên đã được các bên thực hiện, bên giao đất, bên giao tiền đủ. Quá trình sử dụng, phía nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không trực tiếp canh tác, bị đơn tự nhỏ cộc mọc phía hậu đất, nên đất của nguyên

đơn thiếu $1.704,5\text{m}^2$; nhưng qua đặc ngoai thực địa, nguyên đơn với bị đơn xác định diện tích tranh chấp là $1.188,9\text{m}^2$ (theo Bản vẽ ngày 25-12-2019, gồm các điểm M3, M4, M7, M8). Bị đơn kháng cáo cho rằng khi chuyển nhượng đất cho nguyên đơn là chuyển nhượng đến giữa Lung Bàu Chứa, nên đất nguyên đơn thiếu rơi vào vị trí $\frac{1}{2}$ con Lung. Bị đơn cũng cho rằng do trước đây Lung có 03 mét giờ Lung lở, nên diện tích đất của nguyên đơn rơi vào phần diện tích đất lở ở mặt tiền, chứ mặt hậu bị đơn không có nhỏ ranh lấn đất.

[4] Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15-9-2020, ông Phan Văn Rớt giáp ranh, ông Hồ Thái Thanh Tùng là người sống khu vực này cho biết chiều rộng con Lung từ trước khi xáng mức đắp lên 02 con bờ ven Lung vẫn không thay đổi, chiều rộng cũng khoảng 20m, (hai bên ven Lung có trồng được chống sạt lở).

[5] Quá trình tranh chấp, bị đơn xác định bị đơn lấy đủ đất 08 công tầm lớn của bị đơn (diện tích 10.368m^2), phần đất nếu có dư còn lại sẽ giao cho nguyên đơn, chứ không thống nhất giao đủ diện tích đã chuyển nhượng 11.724m^2 . Tại phiên toà phúc thẩm, phía đại diện bà T1, và bà T1 cũng xác định tại thửa đất số: 1053 trong Giấy CNQSDĐ cấp ngày 10-8-1996 (Bút lục số 125), diện tích đăng ký 25.800m^2 , thời gian sử dụng đã qua có chuyển nhượng cho bà N 11.724m^2 , còn lại chuyển quyền tặng cho bà Nguyễn Thị Thu (Bản vẽ có ghi giáp ranh Nguyễn Hồng Chiều) khoảng 06 đến 07 công tầm lớn ($1.296\text{m}^2/\text{công}$); rồi sau đó mới chuyển nhượng tiếp cho ông Phan Văn Hùng 3.507m^2 ở thửa 1053 này. Như vậy, đối trừ đất bà N nhận chuyển nhượng, thì diện tích thực tế của bị đơn sẽ còn trên 20.000m^2 ; sau đó mới chuyển quyền cho bà Thu, ông Hùng. Vậy thửa đất này của bị đơn sử dụng ngoài thực địa đã dư nhiều so với Giấy CNQSDĐ được cấp. Như vậy, việc bà T1 xác định đất bà còn thiếu và đòi lấy qua đất đã chuyển nhượng cho bà N cho đủ là không phù hợp. Hơn nữa đất đã chuyển nhượng cho bà N ở phía mặt tiền các bên xác định đều có trụ đá làm ranh đến nay không ai tranh chấp ranh này; cụ thể ranh giáp đất ông Rớt (bên phải mặt tiền nhìn vào) có trụ đá cắm sâu xuống lòng đất, khi đo đạc đã mọc lên mới gặp, điều này các bên đều thừa nhận. Khi xem xét thẩm định lại ngày 15-9-2020 thì các bên cũng xác định mốc trụ đá mặt tiền này làm ranh. Còn ranh bên trái (mặt tiền nhìn vào) đã xác định là tới mé Lung (ranh ổn định). Việc bị đơn cho rằng đất bị đơn chuyển nhượng đất cho nguyên đơn đến $\frac{1}{2}$ Lung, nhưng chứng cứ có tại hồ sơ xác định là tới mé Lung Bàu Chứa, cụ thể: Có Giấy CNQSDĐ cấp cho nguyên đơn có hình vẽ lô đất giáp Lung Bàu Chứa; biên bản xác minh tư cận có chữ ký các bên năm 2003 (kèm theo), cũng xác định mặt tiền là đến mé Lung (Bút lục số: 95 đến 103). Đối với bị đơn cho rằng Lung lở, người dân địa phương sống từ năm 1975 cho rằng vẫn như cũ, và kiểm tra cột mốc hiện hữu vẫn nằm ở bờ đất giáp Lung, nên lời trình bày của bị đơn chuyển nhượng đất cho nguyên đơn đến giữa Lung là không có cơ sở chấp nhận (vì vị trí này là đất công cộng dành cho người dân trong vùng lưu thông xuống, ghe, lấy nước)...

[5.1] Hơn nữa, nguyên đơn đòi bị đơn trả diện tích $1.188,9\text{m}^2$, thì đất của nguyên đơn vẫn còn thiếu $515,6\text{m}^2$ so với diện tích nhận chuyển nhượng 11.724m^2 . Nếu lấy cho đủ diện tích của nguyên đơn nhận chuyển nhượng thì bị đơn phải giao thêm cho nguyên đơn chiều dài khoảng 05m chiều ngang 101,79m. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ đòi bị đơn trả lại diện tích do lấn chiếm $1.188,9\text{m}^2$, điều này là có

lợi cho bị đơn; đối với đất của bị đơn thì cũng không bị mất mà còn dư, vì sau khi đối trừ diện tích đất của bị đơn đã chuyển quyền tại thửa: 1053 này cho bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Thu, qua đo đạc thực tế bị đơn vẫn còn lại 9.843.6m². Nên từ đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như nội dung án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Từ phân tích trên cần bác kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Đối với phần đất bà N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phước, bà T1 theo hồ sơ chuyển nhượng xác định là cá nhân bà N thực hiện việc này. Hiện các con bà N cùng quyền lợi với bà N cũng không tranh chấp gì. Trường hợp, nếu bà N và các con bà N có tranh chấp, thì đó là quan hệ pháp luật tranh chấp khác, nên không nhất thiết phải đưa các con bà N vào tham gia tố tụng. Đối với cháu của bà N đang giữ đất nuôi tôm trên đất bà N (do bà N cho mượn) là chưa nuôi đến phần đất tranh chấp, nên không nhất thiết phải đưa người nuôi tôm trên đất này tham gia tố tụng.

[7] Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa thu thập thêm chứng cứ như đã nêu. Tại hồ sơ đã được làm rõ các điểm nội dung như phân tích trên, nên không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa.

[8] Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị T1 phải chịu chi phí xem xét, đo đạc số tiền 12.070.000 đồng. Do nguyên đơn đã thanh toán xong, nên buộc bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 12.070.000 đồng.

[9] Án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Phan Thị T1 được miễn do người cao tuổi theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Những phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2020/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn bà Phan Thị T1 trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phần đất diện tích 1.188,9m², theo Bản vẽ ngày 25-12-2019 của Trung tâm kỹ thuật -

Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, đất tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C .. Đất có các cạnh như sau:

Cạnh dài 10.64m, giáp đất ông Phan Văn Rót (ký hiệu M3M4);

Cạnh dài 111.38m, giáp đất Nguyễn Thị N (ký hiệu M4M7);

Cạnh dài 10.96m, giáp đất ông Nguyễn Hồng Kha (ký hiệu M7M8);

Cạnh dài 110.27m, giáp đất bà Phan Thị T1 (ký hiệu M8M3).

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc bà Phan Thị T1, chị Nguyễn Kim T2, chị Nguyễn Kim C trả cho nguyên đơn phần đất 01 công tằm lớn (tương đương diện tích $1.296m^2$), loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại ấp 2, xã T, thành phố C, tỉnh C ..

3. Buộc bà Phan Thị T1 trả lại cho bà Nguyễn Thị N chi phí xem xét, đo đạc số tiền 12.070.000 đồng (Mười hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án phải trả thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà Phan Thị T1 được miễn do người cao tuổi.

Những phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út